TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CPR** **TỈNH GL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ- ST
Ngày 12/8/2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CPR, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khả T**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Công C**;
2. Ông **Nguyễn Ngọc B**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thùy N**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CPR, tỉnh GL tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhất L**– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **B Thị B**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã Ia V, huyện CPR, tỉnh GL. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Trương Văn B**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã Ia V, huyện CPR, tỉnh GL. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2021, Bản tự khai, Biên Bản lấy lời khai, Biên Bản tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn chị B Thị B trình Bày: Chị và anh Trương Văn B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Chư AT, huyện P, tỉnh GL, ngày 07 tháng 8 năm 2017. Bước đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ, chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Bất đồng quan điểm sống, anh B không chịu lo làm ăn, ham chơi Bài Bạc, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần anh B còn đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhờ sự can thiệp của chính quyền địa phương nhưng anh B vẫn không thay đổi, tháng 12/2020 chị và anh B đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; Về con chung: Chị và anh Trương Văn B

có 02 (hai) con chung tên là Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021, hiện cả 02 (hai) con chung đang được chị nuôi dưỡng trực tiếp, nguyện vọng của chị mong muốn được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung và không yêu cầu anh Trương Văn B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Chị B Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Bị đơn anh Trương Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông Báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông Báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trương Văn B không có ý kiến trình Bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị B Thị B, anh B cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CPR tham gia phiên tòa – Bà Trần Thị Nhất L có ý kiến phát Biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm Bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị B Thị B và xử ly hôn giữa chị B Thị B và anh Trương Văn B. Về con, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 (hai) con chung tên là Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021 cho chị B Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn là B Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị B Thị B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL giải quyết cho ly hôn với anh Trương Văn B, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh Trương Văn B có nơi cư trú tại Thôn P, xã Ia V, huyện CPR, tỉnh GL, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL. Anh Trương Văn B vắng mặt tại phiên toà, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho anh B lần thứ 1 nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ anh B lần thứ 2, nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với điểm B, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị B Thị B và anh Trương Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Chư AT, huyện P, tỉnh GL, ngày 07 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không Bị lừa dối, ép Buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B Thị B Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị B Thị B và anh Trương Văn B có sảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên sảy ra lời qua tiếng lại với nhau, vợ chồng không còn ý chí phấn đấu để xây dựng hạnh phúc gia đình, Bởi vậy đời sống chung của hai vợ chồng không được kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị B Thị B xin ly hôn là có căn cứ, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B Thị B là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị B Thị B và anh Trương Văn B có 02 (hai) con chung tên là Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021 từ khi sống ly thân với anh B cho đến nay cháu Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021 được chị B nuôi dưỡng trực tiếp, trong thời gian qua cháu Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021 có cuộc sống tốt, phát triển Bình thường và chị B Thị B có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị B Thị B được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên Bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Anh Trương Văn B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, chị B Thị B không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị B Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B Thị B.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử ly hôn giữa chị B Thị B và anh Trương Văn B.

2.*Về nuôi con:* Giao 02 (hai) con chung tên là Trương Bảo A, sinh ngày 12/4/2018 và Trương Bảo N, sinh ngày 01/11/2021 cho chị B Thị B được quyền tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng Bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị B Thị B không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4.Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị B Thị B không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị B Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006248, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPR, tỉnh GL. Chị B Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/8/2022, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng Bị đơn anh Trương Văn B được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh GL, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc Bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh GL;
-VKSND huyện CPR;
- Chi cục THADS huyện CPR;
- Các đương sự;
- Ủy Ban nhân dân xã Chư A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Khả T

CÁC VỊ HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ ĐỨC **BẾ THỊ HỢI**

LÊ KHẢ THẾ